

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HS-PT

Ngày: 19-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 104/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị H và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo; kháng cáo của người liên quan; người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2018/HS-ST ngày 25-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

*** Các bị cáo kháng cáo, bị kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn Diom A, xã LX, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1954, con bà Nguyễn Thị H1 (đã chết); có chồng là Ya Th, sinh năm 1979, có 03 người con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2016, hiện đều cư trú tại: Thôn Diom A, xã LX, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990, tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn NH 2, xã KĐ, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm Nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1952, con bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1952; có chồng là Lê Quốc Ph, sinh năm 1984, có 02 người con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; hiện đều cư trú tại: Thôn NH 2, xã KĐ, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Họ và tên: **TouNeh Ma T**, sinh năm 1996 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn Diom A, xã LX, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm Nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: K' Ho; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ya Nh (*đã chết*), con bà Ma E, sinh năm 1965; có chồng là Bonah Ria V, sinh năm 1990, có 01 con sinh năm 2016, hiện cư trú tại: Thôn Diom A, xã LX, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Họ và tên: **Hồ Thị D**, sinh năm 1973 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: tổ dân phố PT 2, thị trấn D, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Đức S (*đã chết*), con bà Lý Thị Tr, sinh năm 1940; có chồng là Nguyễn H, sinh năm 1973, có 02 người con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh 1999, hiện đều cư trú tại: Tổ dân phố PT 2, thị trấn D, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 02/2005/HSST ngày 03-11-2005 bị Tòa án huyện Đơn Dương xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo; phạt bổ sung 5.000.000đ về tội “Đánh bạc”. (Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được đương nhiên xóa án tích).

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

** Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo, có liên quan đến kháng cáo:*

Bị hại: Vợ chồng bà **Vũ Thị Ch**, sinh năm 1971; ông **Nguyễn Quang Tr**, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn LV B, xã LX, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố PT 2, thị trấn D, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng.

Trong vụ án này còn có bị cáo Ma H; người liên quan Ngân hàng Sacombank không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18-10-2017, bị cáo H rủ các bị cáo Ma H1, TouNeh Ma T và bị cáo L đi hái trộm cà chua của bị hại vợ chồng ông Tr, bà Ch bán lấy tiền tiêu xài thì các bị cáo cùng đồng ý. Đến tối cùng ngày các bị cáo H, T, H1, L sử dụng bao nilon đến vườn của vợ chồng ông Tr, bà Ch trộm được 345kg cà chua, sau đó cùng đưa cà chua vào góc chòi gần vườn ông Tr, bà Ch để giấu.

Đến tối ngày 19-10-2017, các bị cáo tiếp tục đến vườn của ông Tr, bà Ch trộm được khoảng 522kg, sau đó bị cáo H gọi điện thoại cho bị cáo D đến mua

cà chua. Khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo D nói anh H (*chồng bị cáo D*) lái xe ô tô tải biển số 49C-09471 đến nơi bị cáo H cất giấu để mua cà chua, khi nhìn thấy cà chua đựng trong bao tải còn xanh, đường vắng vẻ, bị cáo D biết là cà chua do trộm cắp mà có nhưng do ham lời, bị cáo D đồng ý mua và đưa cà chua lên xe tải. Khi xe chở cà chua đi được một đoạn thì bị phát hiện và báo Công an bắt quả tang, thu giữ 16 bao cà chua.

Tại bản kết luận số 62/2017/KL/HĐĐGTS ngày 08-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đơn Dương xác định 867kg cà chua trị giá 11.271.000đ; trong đó số lượng 345kg cà chua xanh trộm cắp ngày 18-10-2017 trị giá 4.485.000đ; số lượng 522kg cà chua xanh trộm cắp ngày 19-10-2017 trị giá 6.786.000đ.

Về vật chứng: Sau khi thu giữ tiến hành định giá; Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại vợ chồng ông Tr, bà Ch. Nay bị hại không yêu cầu bồi thường, đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với anh H xác định không trực tiếp giao dịch thỏa thuận mua bán cà chua với các bị cáo, bị cáo D là vợ nói anh đi chở hàng, lúc mới vào xem cà chua thấy cà xanh cũng nghi ngờ nhưng không dám khẳng định cà chua trộm cắp, bị cáo D và bị cáo H thỏa thuận mua bán cà chua anh ngồi trên xe, chỉ đến khi bị Công an bắt quả tang mới biết cà chua do trộm cắp mà có. Đối với chiếc xe ô tô biển số 49C-094.71 là tài sản riêng của anh nhờ bị cáo D đứng tên sở hữu, hiện xe ô tô đã được Cơ quan điều tra giao quản lý.

Liên quan đến Ngân hàng Sacombank xác định xe ô tô tải biển số 49C-094.71 do bị cáo D là chủ sở hữu, thuộc tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay gốc 240.000.000đ, (vay mua xe trả góp); bị cáo D đã trả số tiền gốc 120.928.000đ, hiện còn nợ số tiền 111.120.000đ; Về giấy tờ xe do Sacombank đang giữ. Trong trường hợp xe ô tô tải bị tịch thu sung công quỹ, đề nghị được ưu tiên thanh toán số tiền gốc 111.120.000đ, khoản lãi bị cáo D còn nợ Ngân hàng.

Tại Bản án số 29/2018/HS-ST ngày 25-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã tuyên bố các bị cáo H, L, H1, T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; Tuyên bố bị cáo D phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo H, L, H1, T. Bị cáo H được áp dụng thêm điểm l khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo TouNeh Ma T 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo Ma H 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Diệp.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị D 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 237, Điều 241, Điều 244 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô biển số 53X1-4751.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 02 điện thoại di động (*gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu viettel màu đỏ đen*).

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước xe ô tô tải biển số 49C-049.71 đứng tên sở hữu Hồ Thị D sau khi đã khấu trừ số tiền 111.120.000đ giá trị của xe ô tô tải biển số 49C-049.71 để tuyên trả cho ngân hàng Sacombank số tiền 111.120.000đ.

+ Buộc Ngân hàng Sacombank bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 009365 ngày 22-9-2015, biển số 49C-09471 tên chủ sở hữu bà Hồ Thị D để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Buộc ông Nguyễn H có nghĩa vụ giao xe ô tô tải biển số 49C-049.71 cho Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng để xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên tài sản số 01/2018/QĐ-KB ngày 06/7/2018 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03-8-2018 bị cáo Nguyễn Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06-8-2018 bị cáo Hồ Thị D; ông Nguyễn H kháng cáo đề nghị trả lại xe ô tô.

Ngày 06-8-2018 bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Ngày 07-8-2018 bị cáo Ma T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Ngày 26-7-2018 ông Nguyễn Quang Tr kháng cáo xin giảm nhẹ, cho các bị cáo H, L, T hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Bị cáo L bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận; bị cáo H giữ nguyên nội dung kháng cáo

xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo; bị cáo D, ông H giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị trả lại xe ô tô tải biển số 49C-049.71 cho vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, một phần kháng cáo của bị hại giảm cho các bị cáo H, bị cáo L, bị cáo T 03 tháng tù; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, người liên quan ông H, sửa Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; trả lại xe ô tô tải biển số 49C-049.71 cho bị cáo D, anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại anh Tr kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự; vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là đúng quy định pháp luật.

[2] Vào ngày 18-10-2017, bị cáo H rủ các bị cáo Ma H1, bị cáo TouNeh Ma T, bị cáo L cùng đồng ý đi hái trộm cà chua của bị hại vợ chồng ông Tr, bà Ch bán lấy tiền tiêu xài. Đến tối cùng ngày các bị cáo H, T, H1, L sử dụng bao nilon đến vườn của vợ chồng ông Tr, bà Ch trộm được 345kg cà chua, sau đó cùng đưa cà chua vào góc chòi gần vườn ông Tr, bà Ch để giấu. Đến tối ngày 19-10-2017, các bị cáo tiếp tục đến vườn của ông Tr, bà Ch trộm được khoảng 522kg, sau đó bị cáo H gọi điện thoại cho bị cáo D đến mua cà chua. Khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo D nói anh H (*chồng bị cáo D*) lái xe ô tô tải biển số 49C-09471 đến nơi bị cáo H cất giấu để mua cà chua, Mặc dù biết cà chua do trộm cắp mà nhưng bị cáo D đồng ý mua lên xe tải. Khi xe chở cà chua đi được một đoạn thì bị phát hiện và báo Công an bắt quả tang, thu giữ xác định 867kg cà chua trị giá 11.271.000đ; trong đó số lượng 345kg cà chua xanh trộm cắp ngày 18-10-2017 trị giá 4.485.000đ; số lượng 522kg cà chua xanh trộm cắp ngày 19-10-2017 trị giá 6.786.000đ. Đối chiếu lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ đã tuyên bố các bị cáo H, bị cáo L, bị cáo H, bị cáo T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Tuyên bố bị cáo D phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, theo khoản 1 Điều 250; của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm hại đến tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo H, bị cáo L, bị cáo T đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*trương ứng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015*). Ngoài ra, cấp sơ thẩm cũng đã phân hóa vai trò áp

dụng các Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*tương ứng các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015*) để quyết định hình phạt của từng bị cáo là phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo H, bị cáo L, bị cáo T; kháng cáo của bị hại đề nghị cho các bị cáo H, bị cáo L, bị cáo T được hưởng án treo, đối chiếu tài liệu chứng cứ thể hiện: Theo diễn biến của hành vi các bị cáo thực hiện hái trộm cà chua vào ngày 18-10-2017 được 345kg cà chua, sau đó các bị cáo cùng đưa cà chua vào góc chòi gần vườn ông Tr, bà Ch để giấu để nhằm mục đích đến tối hôm sau (ngày 19-10-2017) tiếp tục đến vườn của ông Tr, bà Ch hái trộm cà chua cho đến khi vận chuyển cà chua thì bị phát hiện. Như vậy, ý thức chủ quan các bị cáo thực hiện liên tục về mặt thời gian; cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” là không đúng với ý thức chủ quan của các bị cáo. Mặt khác, các bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng, trong khi đó bị hại kháng cáo tha thiết cho các bị cáo được hưởng án treo, các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; một tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo H, bị cáo T nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm, áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình, không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bị cáo D, người liên quan anh H, về xử lý vật chứng tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe ô tô tải biển số 49C-094.71, đối chiếu tài liệu chứng cứ thể hiện: Chiếc xe ô tô tuy đứng tên bị cáo D nhưng là tài sản có giá trị lớn, thuộc tài sản chung bị cáo D, ông H. Bị cáo D nhận điện thoại của bị cáo H mua cà chua, sau đó bị cáo D nói anh H (*chồng bị cáo*) đi chở cà chua. Khi đến nơi biết rõ cà chua trộm cắp nhưng bị cáo D vẫn mua, nên bị cáo Diệp phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “*Tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có*”, không thể buộc anh H phải chịu trách nhiệm. Mặt khác, theo Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp thì chiếc xe nêu trên thuộc tài sản thế chấp nhằm bảo đảm khoản vay (*vay mua xe trả góp*). Việc bị cáo D nói anh anh Hiền lái xe đi chở cà chua, bị cáo D và anh H đều không có mục đích sẽ mua cà chua trộm cắp. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, kháng cáo của anh H, sửa Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; trả lại cho bị cáo D, anh H chiếc xe ô tô tải biển số 49C-094.71 nêu trên là phù hợp.

Việc xử lý vật chứng xe ô tô tải biển số 49C-094.71 liên quan quan đến Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nên cần hủy bỏ là phù hợp.

Liên quan đến Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng Sacombank với bị cáo Diệp do các bên thực hiện theo Hợp đồng tín dụng, nếu

có tranh chấp được giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[5] Về áp dụng pháp luật: Vụ án được xét xử ngày 25-7-2018 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, trong khi đó Tòa án cấp sơ thẩm vẫn áp dụng các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ, áp dụng quy định về đồng phạm, về án treo theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 là không đúng cần rút kinh nghiệm chung.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại anh Tr, người liên quan anh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm d, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo Nguyễn Thị L, bị cáo Hồ Thị D; bị cáo Ma T. Chấp nhận kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Quang Tr; Chấp nhận kháng cáo của người liên quan anh Nguyễn H; sửa Bản án sơ thẩm; Xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo Nguyễn Thị L, bị cáo Tou Neh Ma T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo H, L, T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo TouNeh Ma T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo TouNeh Ma T cho Ủy ban nhân dân xã LX, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng; Giao bị cáo Nguyễn Thị L, cho Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng theo dõi giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Hồ Thị D; người liên quan anh Nguyễn H 01 xe ô tô tải biển số 49C-049.71 đứng tên sở hữu Hồ Thị D (hiện bị cáo D, anh H đang quản lý)

- Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ/KB ngày 06-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương về chiếc xe ô tô tải biển số 49C-049.71

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, TouNeh Ma T, bị cáo Hồ Thị D, người liên quan anh Nguyễn H; bị hại anh Nguyễn Quang Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT(I) – TANDTC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND cấp sơ thẩm;
- Công an huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS Đơn Dương;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo (*để thi hành*);
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ, Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Kim Đồng